|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2021/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do- Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về trình tự, thủ tục cấp các loại giấy phép cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận chuyển đường bộ qua lại biên giới**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010;*

*Căn cứ Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 01 tháng 6 năm 1998;*

*Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 10 tháng 10 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định thư về việc sửa đổi Nghị định thư thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia được ký ngày 26 tháng 02 năm 2019;*

*Căn cứ Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994;*

*Căn cứ Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011;*

*Căn cứ Hiệp định về Tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hoá và người qua lại biên giới các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng (Hiệp định GMS) ký ngày 26 tháng 11 năm 1999 tại Viêng Chăn, được sửa đổi ngày 30 tháng 4 năm 2004 tại Phnôm Pênh, Campuchia và các Phụ lục, Nghị định của Hiệp định GMS;*

*Căn cứ Hiệp định khung ASEAN về tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh ký ngày 16 tháng 12 năm 1998.*

*Căn cứ Hiệp định khung ASEAN về Tạo thuận lợi Vận tải hành khách qua biên giới bằng phương tiện giao thông đường bộ ký ngày 13 tháng 10 năm 2017.*

*Căn cứ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp các loại giấy phép cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận chuyển đường bộ qua lại biên giới.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Phạm vi hoạt động của phương tiện

Điều 5. Quy định đối với phương tiện vận tải qua biên giới

Điều 6. Quy định đối với lái xe, nhân viên phục vụ và hành khách

Điều 7. Quy định về Giấy phép liên vận, Giấy phép vận tải cho phương tiện vận tải qua biên giới

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ ASEAN CHO ĐƠN VỊ KINH DOANH VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA CÁC NƯỚC ASEAN**

Điều 8. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế ASEAN cho đơn vị vận tải.

Điều 9. Thu hồi giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế ASEAN đã cấp cho đơn vị vận tải.

Điều 10. Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ ASEAN cho phương tiện.

Điều 11. Quy định về ký hiệu Quốc gia

Điều 12. Quy định về Phù hiệu dùng cho phương tiện vận tải hàng hóa qua biên giới ASEAN

Điều 13. Các quy định bắt buộc khác

Điều 14. Quy định về chế độ thông tin

Điều 15. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS CHO ĐƠN VỊ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA CÁC NƯỚC GMS**

Điều 16. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho đơn vị vận tải.

Điều 17. Thu hồi giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

Điều 18. Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải.

Điều 19. Quy định về giá cước, vé hành khách và hợp đồng vận chuyển

Điều 20. Các quy định bắt buộc khác

Điều 21. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương IV**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM- TRUNG QUỐC**

Điều 22. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ loại A, B, C, E, F, G

Điều 23. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ loại D

Điều 24. Thu hồi giấy phép vận tải

Điều 25. Gia hạn giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

Điều 26. Quy trình đăng ký, ngừng, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam- Trung Quốc.

Điều 27. Các quy định bắt buộc khác

Điều 28. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương V**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ CHO ĐƠN VỊ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM - CAMPUCHIA**

Điều 29. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia cho đơn vị vận tải.

Điều 30. Thu hồi giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế Việt Nam- Campuchia.

Điều 31. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện.

Điều 32. Thu hồi Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia

Điều 33. Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

Điều 34. Quy trình đăng ký, ngừng, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam- Campuchia

Điều 35. Các quy định bắt buộc khác

Điều 36. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương VI**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ CHO ĐƠN VỊ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM - LÀO**

Điều 37. Cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế cho đơn vị vận tải.

Điều 38. Thu hồi giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế

Điều 39. Cấp, thu hồi Giấy phép liên vận Việt Nam- Lào cho phương tiện

Điều 40. Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

Điều 41. Quy trình đăng ký, ngừng, bổ sung, thay thế, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam- Lào

Điều 42. Các quy định bắt buộc khác

Điều 43. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương VII**

**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM - CAMPUCHIA- LÀO**

Điều 44. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải qua lại biên giới giữa Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV)

Điều 45. Gia hạn Giấy phép liên vận CLV và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia

Điều 46. Quy trình đăng ký, khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam- Campuchia- Lào

Điều 47. Các quy định bắt buộc khác

Điều 48. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

**Chương VIII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 49. Bộ Giao thông vận tải

Điều 50. Bộ Công an

Điều 51. Bộ Khoa học và Công nghệ

Điều 52. Bộ Y tế

Điều 53. Bộ Quốc phòng

Điều 54. Bộ Tài chính

Điều 55. Bộ Công thương

Điều 56. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Điều 57. Trách nhiệm đối với người vận tải (đơn vị vận tải)

Điều 58. Trách nhiệm đối với người thuê vận tải

Điều 59. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện

Điều 60. Chế độ kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận chuyển đường bộ qua biên giới.

**Chương IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 61. Hiệu lực thi hành

Điều 62. Trách nhiệm thi hành.